SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẬU LỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:687/QĐ-BVHL

Hậu Lộc, ngày 09 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Mua Vị thuốc y học cổ truyền bổ sung sử dụng tại Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẬU LỘC

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Theo đề nghị của Tổ xây dựng kế hoạch LCNT tại Tờ trình số: 196/TTr-TXDKHLCNT ngày 08/10/2026 về việc trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua Vị thuốc y học cổ truyền bổ sung sử dụng tại Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua Vị thuốc y học cổ truyền bổ sung sử dụng tại Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc năm 2026, với nội dung chi tiết theo phụ lục I, II đính kèm.

Điều 2. Giao cho Hội đồng mua sắm, Tổ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Khoa Dược-Vật tư, TBYT; Phòng Tài chính kế toán, phối hợp với các khoa phòng, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu

theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Giao Hội đồng mua sắm lập Hồ sơ mời chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn, trình chủ đầu tư xem xét, phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng mua sắm, Tổ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Khoa Dược-Vật tư, TBYT; Phòng Tài chính kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẬU LỘC

Nguyễn Ngọc Hân

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua Vị thuốc y học cổ truyền bổ sung sử dụng tại Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: 687 /QĐ-BVHL ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Hậu Lộc)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Đa khoa Hậu Lộc	Gói thầu: Mua Vị thuốc y học cổ truyền bổ sung sử dụng tại Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc năm 2026	Mua Vị thuốc y học cổ truyền bổ sung sử dụng tại Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc năm 2026	1.977.994.680	Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh và nguồn kinh phí hợp pháp khác	Chào giá trực tuyến theo quy tình rút gọn	Không áp dụng	90 ngày	Quý 4 năm 2026	Đơn giá cố định	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu: 1.977.994.680 ***(Bằng chữ:*** Một tỷ, chín trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi tư nghìn, sáu trăm tám mươi đồng *)*												

Phụ lục II
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua Vị thuốc y học cổ truyền bổ sung sử dụng tại Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: 687 /QĐ-BVHL ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Hậu Lộc)

STT	Mã thuốc	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Nhóm thuốc	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biên	Nguồn gốc	ĐVT	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1.	CGVT01	Ba kích	Radix Morindae officinalis	2	Rễ	Chích muối	N	Kg	150	750.400	112.560.000
2.	CGVT02	Bạch chỉ	Radix Angelicae dahuricae	2	Rễ	Thái phiến	N	Kg	50	186.144	9.307.200
3.	CGVT03	Bạch linh(Phục linh/Bạch phục linh)	Poria	2	Thể quả nấm	Sơ chế	B	Kg	200	159.600	31.920.000
4.	CGVT04	Bạch thược	Radix Paeoniae lactiflorae	2	Rễ	Chích rượu	T	Kg	150	444.500	66.675.000
5.	CGVT05	Bạch truật	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	2	Thân Rễ	Sao cám mật ong	B-N	Kg	200	371.567	74.313.400
6.	CGVT06	Cam thảo	Radix Glycyrrhizae	2	Rễ	Chích mật ong	B	Kg	250	209.300	52.325.000
7.	CGVT07	Can khương	Rhizoma Zingiberis	2	Thân Rễ	Sao vàng	N	Kg	100	171.300	17.130.000
8.	CGVT08	Cát cánh	Radix Platycodi grandiflori	2	Rễ	Thái phiến	B	Kg	50	229.833	11.491.650
9.	CGVT09	Cát căn	Radix Puerariae thomsonii	2	Rễ củ	Thái phiến sao vàng	N	Kg	100	171.889	17.188.900

STT	Mã thuốc	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Nhóm thuốc	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biến	Nguồn gốc	ĐVT	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
10.	CGVT10	Câu kỷ tử	Fructus Lycii	2	Quả chín	Sơ chế	B	Kg	150	275.633	41.344.950
11.	CGVT11	Cốt toái bổ	Rhizoma Drynariae	2	Thân Rễ	Sao vàng	N	Kg	200	193.000	38.600.000
12.	CGVT12	Cúc hoa	Flos Chrysanthemi indici	2	Hoa	Sơ chế	B-N	Kg	100	533.167	53.316.700
13.	CGVT13	Dây đau xương	Caulis Tinosporae tomentosae	2	Dây	Thái phiến	N	Kg	150	58.100	8.715.000
14.	CGVT14	Đại táo	Fructus Ziziphi jujubae	2	Quả	Sấy khô	B	Kg	300	98.167	29.450.100
15.	CGVT15	Đan sâm	Radix Salviae miltiorrhizae	2	Rễ	Chích rượu	B	Kg	250	249.655	62.413.750
16.	CGVT16	Đảng sâm	Radix Codonopsis	2	Rễ	Chích gừng	B-N	Kg	250	578.550	144.637.500
17.	CGVT17	Đỗ trọng	Cortex Eucommiae	2	Vỏ thân	Chích muối	B-N	Kg	200	162.827	32.565.400
18.	CGVT18	Độc hoạt	Radix Angelicae pubescentis	2	Rễ	Thái phiến	B	Kg	150	162.750	24.412.500
19.	CGVT19	Đương quy (Toàn quy, Quy đầu, Quy vỹ/quy râu)	Radix Angelicae sinensis	2	Rễ	Chích rượu	B-N	Kg	150	487.305	73.095.750
20.	CGVT20	Hà thủ ô đỏ	Radix Fallopiae multiflorae	2	Rễ	Chế đậu đen	B-N	Kg	200	299.950	59.990.000
21.	CGVT21	Hoài sơn	Tuber Dioscoreae persimilis	2	Rễ củ	Sao cám	N	Kg	150	152.561	22.884.150
22.	CGVT22	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Radix Astragali membranacei	2	Rễ	Chích mật	B	Kg	180	231.700	41.706.000

STT	Mã thuốc	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Nhóm thuốc	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biến	Nguồn gốc	ĐVT	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
23.	CGVT23	Huyền sâm	Radix Scrophulariae	2	Rễ	Thái phiến	B-N	Kg	100	159.467	15.946.700
24.	CGVT24	Hương phụ	Rhizoma Cyperi	2	Thân Rễ	Tứ chế	N	Kg	80	141.311	11.304.880
25.	CGVT25	Kê huyết đằng	Caulis Spatholobi	2	Thân dây	Thái phiến	N	Kg	200	81.300	16.260.000
26.	CGVT26	Khương hoạt	Rhizoma et Radix Notopterygii	2	Thân rễ/rễ	Thái phiến	B	Kg	100	1.390.883	139.088.300
27.	CGVT27	Long nhãn	Arillus Longan	2	Áo hạt	Sơ chế	N	Kg	200	368.667	73.733.400
28.	CGVT28	Mạch môn	Radix Ophiopogonis japonici	2	Rễ củ	Sơ chế	B-N	Kg	100	587.300	58.730.000
29.	CGVT29	Mộc qua	Fructus Chaenomelis speciosae	2	Quả	Thái phiến	B	Kg	50	189.150	9.457.500
30.	CGVT30	Ngưu tất	Radix Achyranthis bidentatae	2	Rễ	Chích rượu	B-N	Kg	200	211.239	42.247.800
31.	CGVT31	Phòng phong	Radix Saposhnikoviae divaricatae	2	Rễ	Thái phiến/đoạn	B	Kg	150	721.700	108.255.000
32.	CGVT32	Quế chi	Ramulus Cinnamomi	2	Cành	Thái phiến	N	Kg	100	72.800	7.280.000
33.	CGVT33	Sinh địa	Radix Rehmanniae glutinosae	2	Rễ	Thái phiến	B-N	Kg	100	196.567	19.656.700
34.	CGVT34	Tang ký sinh	Herba Loranthi gracilifolii	2	Thân cành và lá	Thái đoạn	N	Kg	100	179.830	17.983.000

STT	Mã thuốc	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Nhóm thuốc	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biên	Nguồn gốc	ĐVT	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
35.	CGVT35	Tần giao	Radix Gentianae macrophyllae	2	Rễ	Thái phiến	B	Kg	200	593.950	118.790.000
36.	CGVT36	Tục đoạn	Radix Dipsaci	2	Rễ	Chích muối (rượu)	N	Kg	100	350.700	35.070.000
37.	CGVT37	Thổ phục linh	Rhizoma Smilacis glabrae	2	Thân rễ	Thái phiến	N	Kg	150	136.417	20.462.550
38.	CGVT38	Thục địa	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	2	Rễ	Phức chế	N-B	Kg	250	247.100	61.775.000
39.	CGVT39	Thương truật	Rhizoma Atractylodis	2	Thân rễ	Sao qua (sao vàng)	B	Kg	200	496.117	99.223.400
40.	CGVT40	Trần bì	Pericarpium Citri reticulatae perenne	2	Vỏ quả	Sao vàng	N	Kg	100	154.300	15.430.000
41.	CGVT41	Uy linh tiên	Radix et Rhizoma Clematidis	2	Rễ và thân rễ	Thái phiến	B	Kg	50	530.550	26.527.500
42.	CGVT42	Xuyên khung	Rhizoma Ligustici wallichii	2	Thân Rễ	Chích rượu	B-N	Kg	200	200.900	40.180.000
43.	CGVT43	Ý dĩ	Semen Coicis	2	Hạt	Sao cám	B-N	Kg	150	97.000	14.550.000
Tổng: 43 khoản											**1.977.994.680**